

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

| <u>Nội dung</u> | <u>Trang</u> |
|--|---------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| Báo cáo kết quả công tác soát xét | 5 - 6 |
| Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét | 7 - 44 |
| Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 | 7 - 10 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 11 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 12 - 13 |
| Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 14 - 44 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu là Công ty được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 04 năm 2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Hiện nay công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105937 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 09 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 09 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 09: 150.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/06/2025: 150.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại : 0243 826 3979
Fax : 0243 826 3979
Mã số thuế : 0100105937

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 44).

Sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ và sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 06 năm 2025 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, Quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ |
|-----------------------|----------|
| Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Năng Tuyền | Ủy viên |
| Ông Phạm Thanh Hải | Ủy viên |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ |
|----------------------------|------------|
| Ông Nguyễn Thanh Tuyền | Trưởng ban |
| Bà Đặng Thị Hà Nguyên | Thành viên |
| Ông Nguyễn Đặng Việt Trung | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ |
|---------------------|---------------|
| Ông Đào Nguyên Đặng | Tổng Giám đốc |

Kế toán trưởng

| Họ và tên | Chức vụ |
|---------------------|----------------|
| Ông Phạm Quốc Chính | Kế toán trưởng |

Kiểm toán Viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, Ngày 28 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám đốc



Đào Nguyên Đặng

3482
G T
HH
TO
ÂM V
IỐ V

Số : 2207.02.01/2025/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****Kính gửi : Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các cổ đông
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu, được lập ngày 28 tháng 08 năm 2025 từ trang 07 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT (tiếp theo)

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của đơn vị 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2023-124-1



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 34.690.039.220 | 35.180.389.544 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 17.514.172.713 | 18.152.678.210 |
| 1. Tiền | 111 | | 2.514.172.713 | 3.152.678.210 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 16.663.848.382 | 16.483.209.516 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 5.667.373.821 | 4.313.207.097 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 2.256.509.929 | 2.264.509.929 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.4a | - | 1.950.000.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 10.356.460.617 | 8.658.787.901 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (1.616.495.985) | (703.295.411) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 512.018.125 | 544.501.818 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 54.506.872 | 58.279.524 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 280.000 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.12 | 457.231.253 | 486.222.294 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 178.774.566.465 | 177.184.591.217 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 2.354.060.520 | 404.060.520 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | V.4b | 1.950.000.000 | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 404.060.520 | 404.060.520 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 11.858.663.676 | 12.199.467.409 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8b | 4.579.410.412 | 4.909.379.195 |
| Nguyên giá | 222 | | 21.330.277.742 | 21.330.277.742 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (16.750.867.330) | (16.420.898.547) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| Nguyên giá | 225 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 7.279.253.264 | 7.290.088.214 |
| Nguyên giá | 228 | | 7.511.097.914 | 7.511.097.914 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (231.844.650) | (221.009.700) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| Nguyên giá | 231 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.10 | 159.750.000.000 | 159.750.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.10 | 82.300.000.000 | 82.300.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.10 | 77.450.000.000 | 77.450.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 4.811.842.269 | 4.831.063.288 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 4.811.842.269 | 4.831.063.288 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 213.464.605.685 | 212.364.980.761 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 20.924.350.528 | 18.564.096.748 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 14.557.178.105 | 12.214.252.073 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 2.280.386.568 | 1.615.759.085 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 39.034.399 | 39.034.399 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 6.146.714.835 | 5.720.724.203 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 622.936.161 | 620.542.893 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.13 | 631.515.895 | 332.480.876 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.14 | 137.577.817 | 184.759.992 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15a | 4.547.778.048 | 3.654.833.922 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 151.234.382 | 46.116.703 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 6.367.172.423 | 6.349.844.675 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.15b | 6.367.172.423 | 6.349.844.675 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 192.540.255.157 | 193.800.884.013 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.16 | 192.540.255.157 | 193.800.884.013 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 33.013.831.925 | 33.013.831.925 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 3.410.429.248 | 3.410.429.248 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 6.115.993.984 | 7.376.622.840 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 7.258.305.161 | (3.023.819.131) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (1.142.311.177) | 10.400.441.971 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 213.464.605.685 | 212.364.980.761 |

Người lập biểu

Phạm Quốc Chính

Kế toán trưởng

Phạm Quốc Chính

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám đốc

Đào Nguyên Đặng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 7.540.754.667 | 5.870.648.296 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 7.540.754.667 | 5.870.648.296 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 5.899.843.503 | 4.935.527.681 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 1.640.911.164 | 935.120.615 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 1.317.699.441 | 249.390.132 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 28.756.806 | - |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 3.921.590.632 | 3.250.360.063 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (991.736.833) | (2.065.849.316) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 693 | 151.000.497 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 150.575.037 | 115.875.234 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (150.574.344) | 35.125.263 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (1.142.311.177) | (2.030.724.053) |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.8 | - | - |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (1.142.311.177) | (2.030.724.053) |

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Quốc Chính

Phạm Quốc Chính

Đào Nguyên Đặng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (1.142.311.177) | (2.030.724.053) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | | 340.803.733 | 340.803.738 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 913.200.574 | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 16.389.414 | (52.390.476) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (1.305.332.049) | (267.720.596) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (1.177.249.505) | (2.010.031.387) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (2.917.510.435) | (1.087.010.354) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | - | - |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 2.202.342.337 | 585.384.432 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 22.993.671 | 65.036.503 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | - | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (13.200.000) | (18.169.050) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (1.882.623.932) | (2.464.789.856) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 110.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.218.769.361 | 73.946.900 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 1.218.769.361 | 183.946.900 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm tới cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (663.854.571) | (2.280.842.956) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 18.152.678.210 | 8.798.644.771 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 25.349.074 | 73.028.460 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 17.514.172.713 | 6.590.830.275 |

Người lập biểu

Phạm Quốc Chính

Kế toán trưởng

Phạm Quốc Chính

Lập, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám đốc



Đào Nguyễn Đặng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2. Khái quát về Công ty:

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu là Công ty được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 04 năm 2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Hiện nay công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105937 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 09 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 09 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 09: 150.000.000.000 VND.

3. Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 0243 826 3979

Fax : 0243 826 3979

Mã số thuế : 0100105937

4. Lĩnh vực kinh doanh chính: Kinh doanh cảng cạn (ICD), dịch vụ môi giới hàng hải, thuê tàu và cho thuê tàu, dịch vụ giao nhận vận tải, cho thuê kho bãi và văn phòng.

5. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

+ Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Bốc xúc, vận chuyển, san lấp mặt bằng phục vụ khai thác khoáng sản và phục vụ xây dựng;

+ Đại lý, môi giới, đấu giá

Chi tiết: Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận vận tải đường không, đường biển, đường bộ, container, kể cả giao nhận vận tải đa phương thức theo uỷ thác của chủ tàu và chủ hàng;

Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

+ Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách bằng ô tô; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

+ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy

Chi tiết: - Kinh doanh cảng cạn (ICD); - Dịch vụ môi giới hàng hải; - Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới và các dịch vụ khác; - Dịch vụ vận chuyển nhanh quốc tế (bao gồm các dịch vụ vận chuyển nhanh hàng nặng và hàng trên 31,5 kg, tài liệu khoa học kỹ thuật, chứng từ thương mại, vật phẩm, hàng mẫu, hàng hoá); - Tổ chức đưa đón, xuất nhập cảnh, chuyển đổi thuyền viên; - Dịch vụ kiểm đếm hàng hoá; - Giao nhận vận chuyển phụ tùng sửa chữa tàu biển; - Cung cấp các dịch vụ phục vụ nhu cầu về đời sống, vui chơi giải trí hành khách và thuyền viên (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường); - Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhớt, vật liệu chèn lót ngăn cách hàng;

+ Bốc xếp hàng hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

+ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Chi tiết: - Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; - Vận tải hàng hoá bằng đường biển; - Dịch vụ khai thuê hải quan; - Dịch vụ giao nhận hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; - Dịch vụ tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu hàng hoá; - Đại lý bán vé máy bay cho các hãng hàng không trong và ngoài nước;

+ Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);

+ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Chi tiết: - Cho thuê kho, bãi, văn phòng làm việc và nhà ở; - Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất); - Kinh doanh kho, bãi container và thu gom hàng hoá; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

+ Cung ứng và quản lý nguồn lao động

Chi tiết: Cho thuê thuyền viên (không bao gồm dịch vụ giới thiệu, cung ứng và tuyển chọn cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);

+ Đại lý du lịch

Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;

+ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Xuất nhập khẩu trực tiếp hàng hoá phục vụ ngành giao thông vận tải./.

6. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

7. **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:** Không có

8. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

9. **Nhân viên:**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 13 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 12 nhân viên).

10. **Cấu trúc doanh nghiệp:**

Các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập:

| Tên chi nhánh | Địa chỉ trụ sở chính | Ngành nghề kinh doanh chính |
|--|--|---|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Quảng Ninh | Số 51 Lê Thánh Tông, Phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh | Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Hải Phòng | Số 35 đường Minh Khai, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng | Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi Container, thuê tàu, vận tải đa phương thức |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (VIETFRACHT HOCHIMINH) | Số 11 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh | Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi Container, thuê tàu, vận tải đa phương thức |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Các công ty con:

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ vốn góp TT | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|--|------------------|------------------------|
| Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh | Số 11 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng | Số 35 đường Minh Khai, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Vietfracht Hà Nội | Số 74 Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên | Km 24, Quốc lộ 5A, Xã Nghĩa Trụ, Tỉnh Hưng Yên | 94,33% | 94,33% |

Các công ty liên kết gián tiếp:

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ vốn góp GT | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|---|------------------|------------------------|
| Công Ty TNHH Heung A Line Việt Nam (*) | 2A-4A Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh | 30% | 30% |
| Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam | Tầng 3 Số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, TP Hồ Chí Minh | 20% | 20% |
| Công ty liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht | Phòng B, Tầng 7, Tòa nhà AP Tower, Số 518B đường Điện Biên P, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh | 25% | 25% |

(*) Công ty đã thoái vốn toàn bộ vốn Công Ty TNHH Heung A Line Việt Nam kể từ ngày 31/3/2025.

Các công ty con, công ty liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025 cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản tiền gửi ngân hàng, ký quỹ ký cược, phải thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á là 25.930 VND/USD.

Các khoản nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á là 26.290 VND/USD.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi doanh nghiệp có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Doanh nghiệp nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Doanh nghiệp. Việc kiểm soát đạt được khi Doanh nghiệp có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Doanh nghiệp có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Doanh nghiệp không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 05-50 |
| Máy móc thiết bị | 05-07 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 07-15 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03-05 |

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03-05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Doanh nghiệp đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

16. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 7.480.454 | 7.299.901 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 2.506.692.259 | 3.145.378.309 |
| Các khoản tương đương tiền | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i> | <i>15.000.000.000</i> | <i>15.000.000.000</i> |
| Cộng | 17.514.172.713 | 18.152.678.210 |

2. Phải thu ngắn hạn khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 2.806.719.945 | 2.576.552.474 |
| Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng | 2.806.719.945 | 2.505.588.455 |
| Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh | - | 70.964.019 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 2.860.653.876 | 1.736.654.623 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Hải Bắc | 214.450.000 | 214.450.000 |
| Công ty TNHH Tiếp vận SAS Vũng Áng | 414.021.020 | 414.021.020 |
| World Courier ASia (Thai Lan) co.,ltd | 2.122.702.660 | 1.008.049.969 |
| Các khách hàng khác | 109.480.196 | 100.133.634 |
| Cộng | 5.667.373.821 | 4.313.207.097 |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | 2.256.509.929 | 2.264.509.929 |
| Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long (*) | 605.000.000 | 605.000.000 |
| Công ty Cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh (*) | 882.748.175 | 882.748.175 |
| Ban đền bù dự án (*) | 200.000.000 | 200.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 568.761.754 | 576.761.754 |
| Cộng | 2.256.509.929 | 2.264.509.929 |

(*) Các khoản trả trước cho nhà thầu thi công Dự án nhà điều hành và kho bãi trung chuyển khai thác hàng hóa (Chi tiết tại Thuyết minh V.7).

4. Phải thu về cho vay**a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-------------------|----------------------|
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | - | 1.950.000.000 |
| Công ty Cổ phần Siêu thị VHSC (*) | - | 1.950.000.000 |
| Cộng | - | 1.950.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**b) Phải thu về cho vay dài hạn**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|------------|
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>1.950.000.000</i> | - |
| Công ty Cổ phần Siêu thị VHSC (*) | 1.950.000.000 | - |
| Cộng | 1.950.000.000 | - |

(*) Theo Hợp đồng số 01/2022/HĐVV/VFR-VHSC ngày 01/08/2022, số tiền cho vay 4.500.000.000 đồng, lãi suất 9.6%/năm, thời hạn vay 18 tháng; mục đích vay nhằm phục vụ nhu cầu tài chính. Phụ lục 02/2022/HĐVV/VFR-VHSC ngày 01/02/2025 về việc gia hạn thời gian vay 24 tháng kể từ 01/02/2025 đến 31/01/2027.

5. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|----------------------|----------------------|--------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>10.356.460.617</i> | <i>(920.052.298)</i> | <i>8.658.787.901</i> | <i>(6.851.724)</i> |
| Thuế các hãng tàu chưa được miễn giảm | 5.229.333.970 | (913.200.574) | 5.229.333.970 | - |
| Lãi tiền gửi, cho vay | 685.490.343 | - | 598.927.655 | - |
| Tạm ứng | 395.000.000 | - | 58.000.000 | - |
| World Courier ASia (Thai Lan) co.,ltd - Phải thu tiền chi hộ | 1.955.135.203 | - | 682.710.828 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 2.091.501.101 | (6.851.724) | 2.089.815.448 | (6.851.724) |
| Cộng | 10.356.460.617 | (920.052.298) | 8.658.787.901 | (6.851.724) |

b. Dài hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>404.060.520</i> | - | <i>404.060.520</i> | - |
| Ký cược, ký quỹ | 347.125.000 | - | 347.125.000 | - |
| Các khoản phải thu dài hạn khác | 56.935.520 | - | 56.935.520 | - |
| Cộng | 404.060.520 | - | 404.060.520 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu khó đòi**

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|---|-------------------------|----------------------|------------------------|--------------------|--------------------|----------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Dự phòng | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Dự phòng |
| Phải thu khách hàng ngắn hạn | | 679.462.020 | (679.462.020) | | 679.462.020 | (679.462.020) |
| Công ty TNHH vận tải biển Liên Hợp | Quá hạn trên 3 năm | 40.792.800 | (40.792.800) | Quá hạn trên 3 năm | 40.792.800 | (40.792.800) |
| HONG MYUNG | Quá hạn trên 3 năm | 10.198.200 | (10.198.200) | Quá hạn trên 3 năm | 10.198.200 | (10.198.200) |
| Công ty TNHH tiếp vận SAS Vũng Áng | Quá hạn trên 3 năm | 414.021.020 | (414.021.020) | Quá hạn trên 3 năm | 414.021.020 | (414.021.020) |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Hải Bắc | Quá hạn trên 3 năm | 214.450.000 | (214.450.000) | Quá hạn trên 3 năm | 214.450.000 | (214.450.000) |
| Phải thu khác | | 920.052.298 | (920.052.298) | | 6.851.724 | (6.851.724) |
| Thuế các hãng tàu chưa được miễn giảm | Khó có khả năng thu hồi | 913.200.574 | (913.200.574) | | - | - |
| Nguyễn Trọng Lâm | Quá hạn trên 3 năm | 6.576.567 | (6.576.567) | Quá hạn trên 3 năm | 6.576.567 | (6.576.567) |
| Tùng - TV | Quá hạn trên 3 năm | 275.157 | (275.157) | Quá hạn trên 3 năm | 275.157 | (275.157) |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 16.981.667 | (16.981.667) | | 16.981.667 | (16.981.667) |
| UML Shipg Agency Taiwan | Quá hạn trên 3 năm | 5.656.638 | (5.656.638) | Quá hạn trên 3 năm | 5.656.638 | (5.656.638) |
| Interocean | Quá hạn trên 3 năm | 10.166.729 | (10.166.729) | Quá hạn trên 3 năm | 10.166.729 | (10.166.729) |
| Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng | Quá hạn trên 3 năm | 1.158.300 | (1.158.300) | Quá hạn trên 3 năm | 1.158.300 | (1.158.300) |
| Cộng | | 1.616.495.985 | (1.616.495.985) | | 703.295.411 | (703.295.411) |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 54.506.872 | 58.279.524 |
| Cộng | 54.506.872 | 58.279.524 |

b. Dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Dự án nhà điều hành kho bãi trung chuyển khai thác hàng hóa (*) | 4.762.635.436 | 4.762.635.436 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 49.206.833 | 68.427.852 |
| Cộng | 4.811.842.269 | 4.831.063.288 |

(*) Dự án thực hiện theo thỏa thuận hợp tác đầu tư giữa Công ty, Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu VIPCO và ông Lương Anh Khoa về việc hợp tác đầu tư dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển khai thác hàng hóa. Ngày 28/04/2017, UBND Tỉnh Quảng Ninh ra quyết định số 1349/QĐ-UBND về việc chấm dứt hoạt động đầu tư dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển khai thác hàng hóa do Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thực hiện. Ngày 29/09/2017, Công ty có biên bản làm việc với Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành phố Hạ Long và UBND Tỉnh Quảng Ninh về việc xác định phương án chi trả chi phí thực hiện dự án. Đến thời điểm hiện tại, công ty vẫn chưa nhận được quyết định của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến vấn đề này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|--|-----------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 19.037.396.043 | 296.560.439 | 1.289.135.000 | 707.186.260 | 21.330.277.742 |
| Số cuối kỳ | 19.037.396.043 | 296.560.439 | 1.289.135.000 | 707.186.260 | 21.330.277.742 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | 4.344.585.547 | 42.500.000 | 1.289.135.000 | 707.186.260 | 6.383.406.807 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 14.166.642.459 | 257.934.828 | 1.289.135.000 | 707.186.260 | 16.420.898.547 |
| Khấu hao trong kỳ | 295.060.956 | 34.907.827 | - | - | 329.968.783 |
| Số cuối kỳ | 14.461.703.415 | 292.842.655 | 1.289.135.000 | 707.186.260 | 16.750.867.330 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 4.870.753.584 | 38.625.611 | - | - | 4.909.379.195 |
| Số cuối kỳ | 4.575.692.628 | 3.717.784 | - | - | 4.579.410.412 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm | Cộng |
|--|--------------------------|------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 7.355.097.914 | 156.000.000 | 7.511.097.914 |
| Số cuối kỳ | 7.355.097.914 | 156.000.000 | 7.511.097.914 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | - | 156.000.000 | 156.000.000 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 65.009.700 | 156.000.000 | 221.009.700 |
| Khấu hao trong kỳ | 10.834.950 | - | 10.834.950 |
| Số cuối kỳ | 75.844.650 | 156.000.000 | 231.844.650 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 7.290.088.214 | - | 7.290.088.214 |
| Số cuối kỳ | 7.279.253.264 | - | 7.279.253.264 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**10. Đầu tư tài chính dài hạn**

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|---|------------------------|----------|------------------------|------------------------|----------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Đầu tư vào công ty con | 82.300.000.000 | - | 82.300.000.000 | 82.300.000.000 | - | 82.300.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh (1) | 12.000.000.000 | - | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 | - | 12.000.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng (2) | 30.000.000.000 | - | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 | - | 30.000.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Vietfracht Hà Nội (3) | 12.000.000.000 | - | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 | - | 12.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên (4) | 28.300.000.000 | - | 28.300.000.000 | 28.300.000.000 | - | 28.300.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 77.450.000.000 | - | 77.450.000.000 | 77.450.000.000 | - | 77.450.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội (5) | 77.450.000.000 | - | 77.450.000.000 | 77.450.000.000 | - | 77.450.000.000 |
| Cộng | 159.750.000.000 | - | 159.750.000.000 | 159.750.000.000 | - | 159.750.000.000 |

(1) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị là 12.000.000.000 VNĐ, tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%.

(2) Khoản đầu tư Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng với giá trị là 30.000.000.000 VNĐ, tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%.

(3) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Vietfracht Hà Nội với giá trị là 12.000.000.000 VNĐ, tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%.

(4) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên với giá trị là 28.300.000.000 VNĐ, tỷ lệ quyền biểu quyết là 94,33%.

(5) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội với giá trị là 77.450.000.000 VNĐ, tỷ lệ quyền biểu quyết là 4,68%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | 2.280.386.568 | 1.615.759.085 |
| Công ty TNHH dịch vụ tư vấn kế toán SACC | 297.000.000 | - |
| Promarine Law office | 591.889.370 | 575.689.580 |
| Công ty Cổ phần Container Nghệ An | 140.200.000 | 140.200.000 |
| Trung tâm Khoa học công nghệ xây dựng Công nghiệp và Đô thị | 155.424.545 | 155.424.545 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Quốc tế Lô-gi-stíc Hoàng Hà | 195.065.134 | 98.857.337 |
| Các nhà cung cấp khác | 900.807.519 | 645.587.623 |
| Cộng | 2.280.386.568 | 1.615.759.085 |

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ | |
|-----------------------------|----------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|----------------------|--------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 52.905.032 | 9.255.880 | 206.220.692 | (97.577.114) | 152.292.730 | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 20.301.526 | - | - | - | 20.301.526 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 219.812.242 | - | - | - | 219.812.242 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 333.040.156 | 229.397.351 | 19.735.161 | (280.070.511) | 52.969.645 | 209.662.190 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 38.051.753 | 6.626.772 | 1.519.874.019 | - | 1.557.925.772 | 6.626.772 |
| Các loại thuế khác | 5.296.727.262 | 828.523 | 5.000.000 | (918.200.574) | 4.383.526.688 | 828.523 |
| Cộng | 5.720.724.203 | 486.222.294 | 1.750.829.872 | (1.295.848.199) | 6.146.714.835 | 457.231.253 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8%, 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|--------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>631.515.895</i> | <i>332.480.876</i> |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 631.515.895 | 332.480.876 |
| Cộng | 631.515.895 | 332.480.876 |

14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|--------------------|
| <i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>137.577.817</i> | <i>184.759.992</i> |
| Doanh thu cho thuê bất động sản | 137.577.817 | 184.759.992 |
| Cộng | 137.577.817 | 184.759.992 |

15. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>855.891.111</i> | <i>-</i> |
| Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh | 855.891.111 | - |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | <i>3.691.886.937</i> | <i>3.654.833.922</i> |
| Kinh phí công đoàn | 84.641.131 | 75.077.131 |
| Bảo hiểm xã hội | 26.088.308 | 27.546.682 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 3.581.157.498 | 3.552.210.109 |
| Cộng | 4.547.778.048 | 3.654.833.922 |

b. Dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>6.367.172.423</i> | <i>6.349.844.675</i> |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 475.944.308 | 458.616.560 |
| Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu Vipco | 4.230.000.000 | 4.230.000.000 |
| Xí nghiệp MOL phía Bắc | 1.371.639.899 | 1.371.639.899 |
| Các khoản phải trả dài hạn khác | 289.588.216 | 289.588.216 |
| Cộng | 6.367.172.423 | 6.349.844.675 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**16. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|-------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|--|------------------------|
| Số đầu năm trước | 150.000.000.000 | 33.013.831.925 | 3.410.429.248 | (3.023.819.131) | 183.400.442.042 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 10.400.441.971 | 10.400.441.971 |
| Số dư cuối năm trước | 150.000.000.000 | 33.013.831.925 | 3.410.429.248 | 7.376.622.840 | 193.800.884.013 |
| Số dư đầu năm nay | 150.000.000.000 | 33.013.831.925 | 3.410.429.248 | 7.376.622.840 | 193.800.884.013 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | (1.142.311.177) | (1.142.311.177) |
| Trích lập các quỹ (*) | - | - | - | (118.317.679) | (118.317.679) |
| Số dư cuối kỳ này | 150.000.000.000 | 33.013.831.925 | 3.410.429.248 | 6.115.993.984 | 192.540.255.157 |

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 28/4/2025 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận như sau:

+ Trích lập quỹ khen thưởng – phúc lợi: 118.317.679 VND;

+ Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát: 297.700.000 VND;

+ Lợi nhuận chia cổ tức: 5.960.605.161 VND.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Số cuối kỳ | Tỷ lệ | Số đầu năm | Tỷ lệ |
|---|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
| Bà Vũ Thị Hạnh | 25.038.190.000 | 16,69% | 25.038.190.000 | 16,69% |
| Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hòa An | 19.663.000.000 | 13,11% | 19.663.000.000 | 13,11% |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Du lịch Ba Đình | 29.158.000.000 | 19,44% | 29.158.000.000 | 19,44% |
| Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hưng Phú | 20.865.160.000 | 13,91% | 20.865.160.000 | 13,91% |
| Bà Nguyễn Thị Thanh | 18.778.650.000 | 12,52% | 18.778.650.000 | 12,52% |
| Bà Vũ Thị Kim Thanh | 15.069.000.000 | 10,05% | 15.069.000.000 | 10,05% |
| Các cổ đông khác | 21.428.000.000 | 14,28% | 21.428.000.000 | 14,28% |
| Cộng | 150.000.000.000 | 100,00% | 150.000.000.000 | 100,00% |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**c) Cổ phiếu**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 15.000.000 | 15.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 15.000.000 | 15.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 15.000.000 | 15.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 15.000.000 | 15.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 15.000.000 | 15.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**Ngoại tệ (USD)**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------|-------------------|-------------------|
| Tiền mặt | 265,91 | 265,91 |
| Tiền gửi ngân hàng | 28.347,55 | 52.239,66 |
| Ngân hàng TMCP Đông Nam Á | 28.347,55 | 52.239,66 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------------------------|--|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu dịch vụ giao nhận vận tải | 3.325.897.822 | 1.898.797.540 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ khác | 4.214.856.845 | 3.971.850.756 |
| Cộng | 7.540.754.667 | 5.870.648.296 |

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|--|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh | 1.682.978.353 | 1.696.520.110 |
| Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng | 748.875.000 | 774.249.220 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------------|--|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn dịch vụ giao nhận vận tải | 2.649.178.259 | 1.714.919.607 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ khác | 3.250.665.244 | 3.220.608.074 |
| Cộng | 5.899.843.503 | 4.935.527.681 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 303.380.049 | 167.720.596 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 1.001.952.000 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | - | 29.279.060 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 12.367.392 | 52.390.476 |
| Cộng | 1.317.699.441 | 249.390.132 |

4. Chi phí tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 28.756.806 | - |
| Cộng | 28.756.806 | - |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 802.749.818 | 1.016.797.520 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 6.053.400 | 12.792.700 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 11.153.364 | 11.153.364 |
| Thuế, phí và lệ phí | 1.299.770.807 | 1.244.377.709 |
| Chi phí dự phòng | 913.200.574 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 688.729.683 | 745.011.000 |
| Các chi phí khác | 199.932.986 | 220.227.770 |
| Cộng | 3.921.590.632 | 3.250.360.063 |

6. Thu nhập khác

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | - | 100.000.000 |
| Thu nhập khác | 693 | 51.000.497 |
| Cộng | 693 | 151.000.497 |

7. Chi phí khác

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt hành chính | 12.727.371 | 6.341.236 |
| Chi phí khác | 137.847.666 | 109.533.998 |
| Cộng | 150.575.037 | 115.875.234 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (1.142.311.177) | (2.030.724.053) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | (737.312.071) | 63.484.758 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 398.266.843 | 115.875.234 |
| Chi phí không được trừ | 369.510.037 | 115.875.234 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm nay | 28.756.806 | - |
| Các khoản điều chỉnh giảm | (1.135.578.914) | (52.390.476) |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | (1.001.952.000) | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm nay | (12.367.392) | (52.390.476) |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm trước | (121.259.522) | - |
| Thu nhập chịu thuế | (1.879.623.248) | (1.967.239.295) |
| Thu nhập tính thuế | - | - |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm | - | - |
| Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | - | - |

9. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Doanh nghiệp không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 6.053.400 | 12.792.700 |
| Chi phí nhân công | 1.378.017.726 | 1.473.760.796 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 340.803.733 | 340.803.738 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.235.178.668 | 4.826.304.625 |
| Chi phí khác | 3.861.380.608 | 1.532.225.885 |
| Cộng | 9.821.434.135 | 8.185.887.744 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Doanh nghiệp bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với bên liên quan

Trong kỳ đơn vị không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | Chức vụ | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------|------------------------------|-----------------------------------|-------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm | Chủ tịch HĐQT | 27.000.000 | 27.000.000 |
| Ông Nguyễn Năng Tuyển | Thành viên HĐQT | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Ông Phạm Thanh Hải | Thành viên HĐQT | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Ông Nguyễn Thanh Tuyển | Trưởng BKS | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Bà Đặng Thị Hà Nguyên | Thành viên BKS | 19.200.000 | 19.200.000 |
| Ông Nguyễn Đặng Việt Trung | Thành viên BKS | 19.200.000 | 6.400.000 |
| Ông Kiều Mạnh Hùng | Thành viên BKS đã từ nhiệm | - | 12.800.000 |
| Ông Đào Nguyên Đặng | Tổng Giám đốc | 280.284.000 | - |
| Ông Bùi Trung Kiên | Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm | - | 300.914.500 |
| Ông Phạm Quốc Chính | Kế toán trưởng | 72.000.000 | 12.000.000 |
| Bà Vũ Thị Lan | Kế toán trưởng đã miễn nhiệm | - | 109.983.304 |
| Bà Nguyễn Thị Phương | Kế toán trưởng đã miễn nhiệm | - | 89.150.000 |

b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các Công ty do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|----------------------------|
| Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh | Công ty con |
| Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng | Công ty con |
| Công ty TNHH MTV Vietfracht Hà Nội | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội | Đầu tư khác |
| Công ty TNHH Heung A Line Việt Nam (*) | Công ty liên kết gián tiếp |
| Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam | Công ty liên kết gián tiếp |
| Công ty liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht | Công ty liên kết gián tiếp |

(*) Công ty đã thoái vốn toàn bộ vốn Công ty TNHH Heung A Line Việt Nam kể từ ngày 31/3/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|---------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh | | |
| <i>Phải trả tiền thu hộ</i> | 855.891.111 | 827.018.346 |
| <i>Phải thu tiền chi hộ</i> | - | 824.458.578 |
| <i>Phải thu tiền cung cấp hàng hóa, dịch vụ</i> | 1.851.160.701 | 1.865.568.566 |
| <i>Thu tiền</i> | 1.922.124.720 | 1.792.094.864 |
| Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng | | |
| <i>Phải thu tiền cung cấp hàng hóa, dịch vụ</i> | 823.762.500 | 962.628.732 |
| <i>Thu tiền</i> | 522.631.010 | 634.708.261 |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan được trình bày chi tiết tại thuyết minh số V.2, V.15./.

2. Thông tin bộ phận

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- + Lĩnh vực dịch vụ giao nhận vận tải
- + Lĩnh vực dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực dịch vụ giao nhận vận tải | Lĩnh vực dịch vụ khác | Cộng |
|---|---|------------------------------|------------------------|
| Kỳ này | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 3.325.897.822 | 4.214.856.845 | 7.540.754.667 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 3.325.897.822 | 4.214.856.845 | 7.540.754.667 |
| Chi phí bộ phận | (2.649.178.259) | (3.250.665.244) | (5.899.843.503) |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 676.719.563 | 964.191.601 | 1.640.911.164 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | (3.921.590.632) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | (2.280.679.468) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | 1.317.699.441 |
| Chi phí tài chính | | | (28.756.806) |
| Thu nhập khác | | | 693 |
| Chi phí khác | | | (150.575.037) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | (1.142.311.177) |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | - | - | 55.931.546 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | - | - | 415.956.298 |



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực dịch vụ giao nhận vận tải | Lĩnh vực dịch vụ khác | Cộng |
|--|---|------------------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | - | - | - |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | 7.376.673.312 | 9.348.339.505 | 16.725.012.817 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | 196.739.592.868 |
| Tổng tài sản | | | 213.464.605.685 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | - | - | - |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | 20.924.350.528 |
| Tổng nợ phải trả | | | 20.924.350.528 |

B, Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------|--|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Khu vực trong nước | 4.214.856.845 | 3.971.850.756 |
| Khu vực nước ngoài | 3.325.897.822 | 1.898.797.540 |
| Doanh thu thuần | 7.540.754.667 | 5.870.648.296 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------|-----------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Phải trả người bán | 2.280.386.568 | - | - | 2.280.386.568 |
| Các khoản phải trả khác | 5.802.285.978 | 6.367.172.423 | - | 12.169.458.401 |
| Cộng | 8.082.672.546 | 6.367.172.423 | - | 14.449.844.969 |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả người bán | 1.615.759.085 | - | - | 1.615.759.085 |
| Các khoản phải trả khác | 4.607.857.691 | 6.349.844.675 | - | 10.957.702.366 |
| Cộng | 6.223.616.776 | 6.349.844.675 | - | 12.573.461.451 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 17.514.172.713 | 18.152.678.210 | 17.514.172.713 | 18.152.678.210 |
| Phải thu khách hàng | 4.987.911.801 | 3.633.745.077 | 4.987.911.801 | 3.633.745.077 |
| Các khoản cho vay | 1.950.000.000 | 1.950.000.000 | 1.950.000.000 | 1.950.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 9.840.468.839 | 9.055.996.697 | 9.840.468.839 | 9.055.996.697 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 159.750.000.000 | 159.750.000.000 | 159.750.000.000 | 159.750.000.000 |
| Cộng | 194.042.553.353 | 192.542.419.984 | 194.042.553.353 | 192.542.419.984 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả người bán | 2.280.386.568 | 1.615.759.085 | 2.280.386.568 | 1.615.759.085 |
| Các khoản phải trả khác | 12.169.402.527 | 10.957.702.366 | 12.169.402.527 | 10.957.702.366 |
| Cộng | 14.449.789.095 | 12.573.461.451 | 14.449.789.095 | 12.573.461.451 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, Phố Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu

Phạm Quốc Chính

Kế toán trưởng

Phạm Quốc Chính

Lập ngày 28 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám đốc



Đào Nguyên Đặng